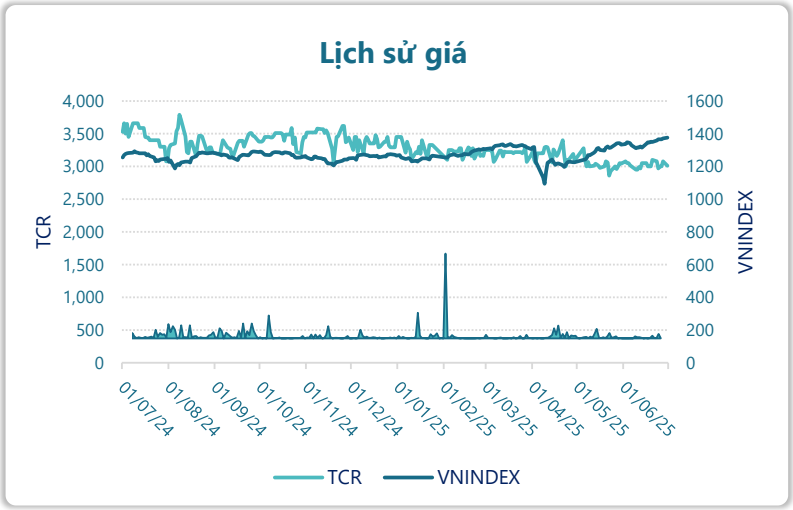
FireAnt

CTCP Công nghiệp Gốm Sứ Taicera (HSX: TCR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,010**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,790
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,860
SL cổ phiếu LH	45,425,142
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,060
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	137
P/E	-1.7
EPS	-1,721

DT thuần

Q2/25

227

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.0| 20.2%

YoY: ▼17.0| -6.9%

LN sau thuế

Q2/25

-22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.90| -9.3%

YoY: ▼14.4| -182%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-7.0%

+/- YoY: ▼ 6.0%

DT thuần

6T 2025

416

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 0.8%

LN sau thuế

6T 2025

-42.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -66.1%

ROE

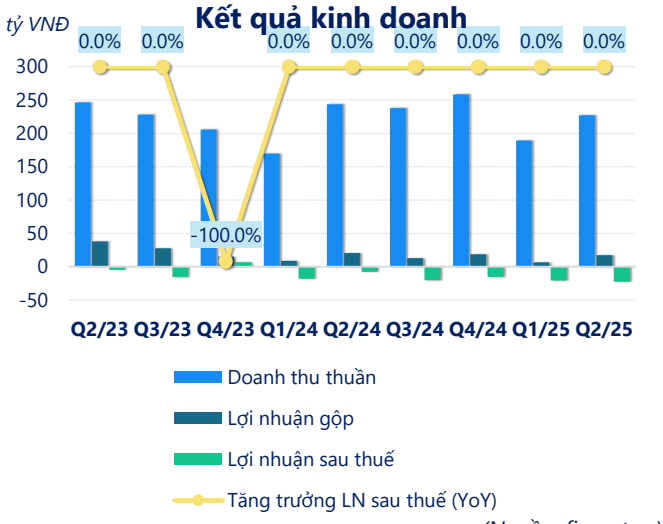
Q2/25

-21.6%

+/- YoY: ▼ 13.8%

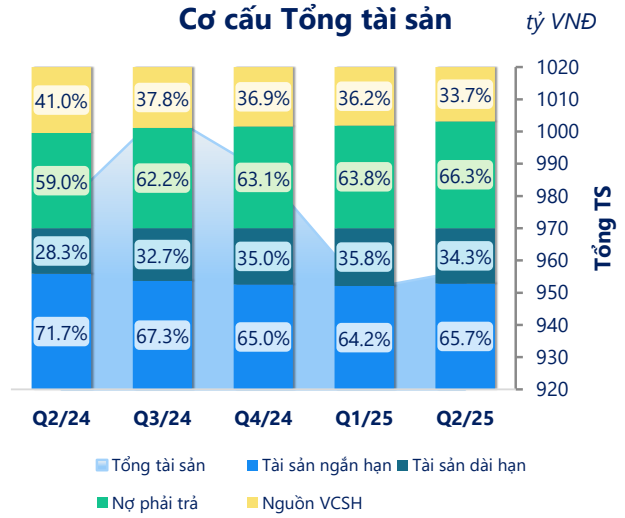
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



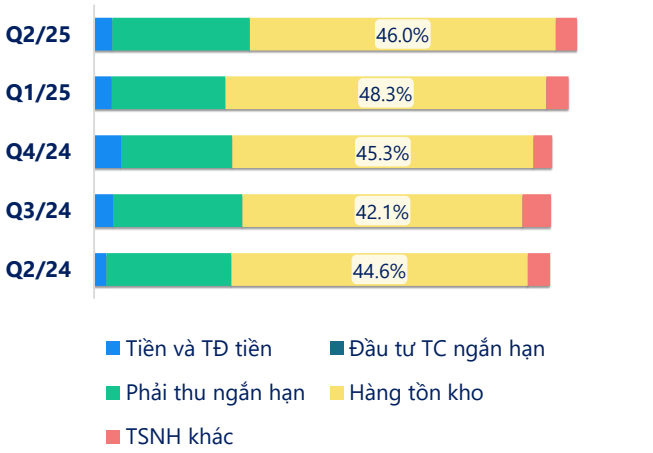
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



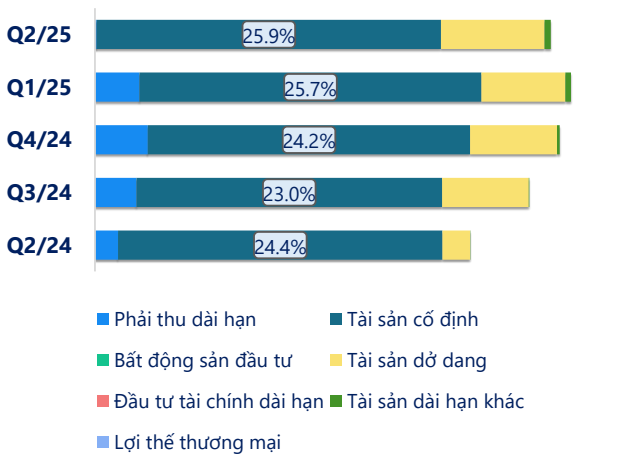
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



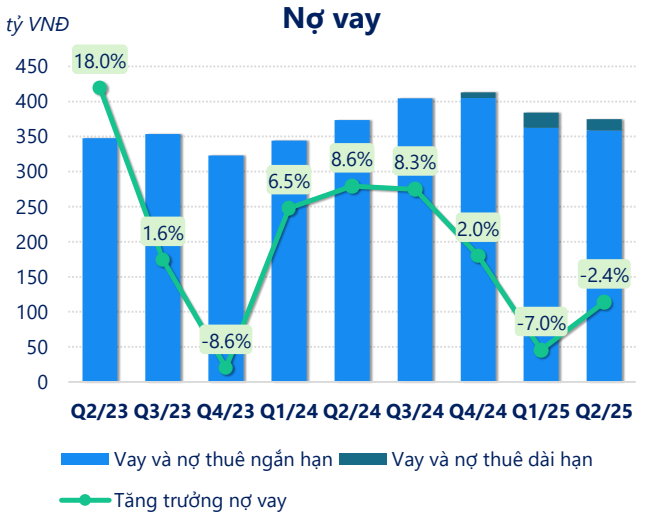
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



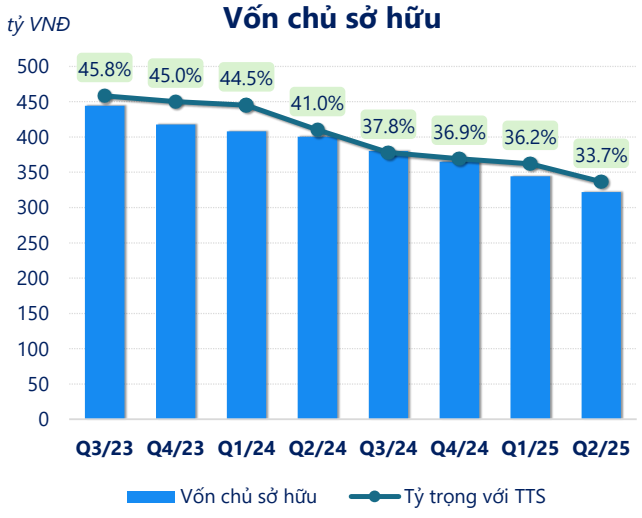
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



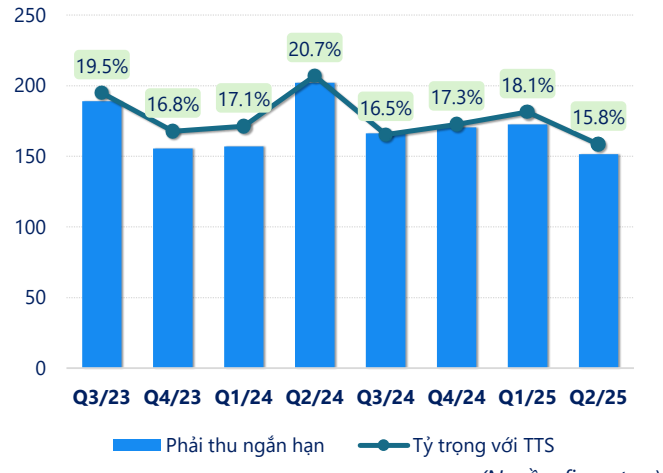
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



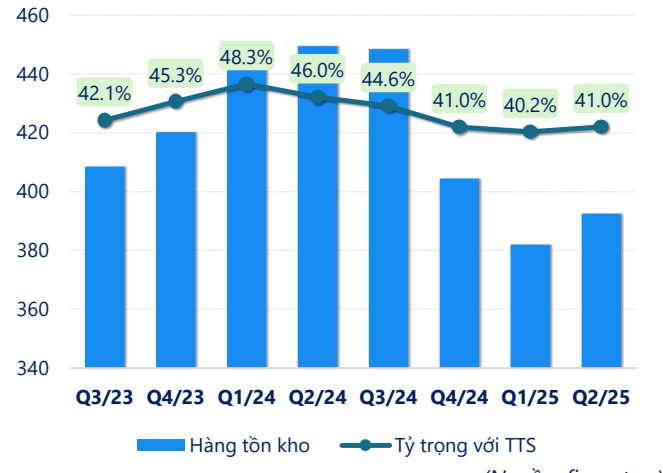
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



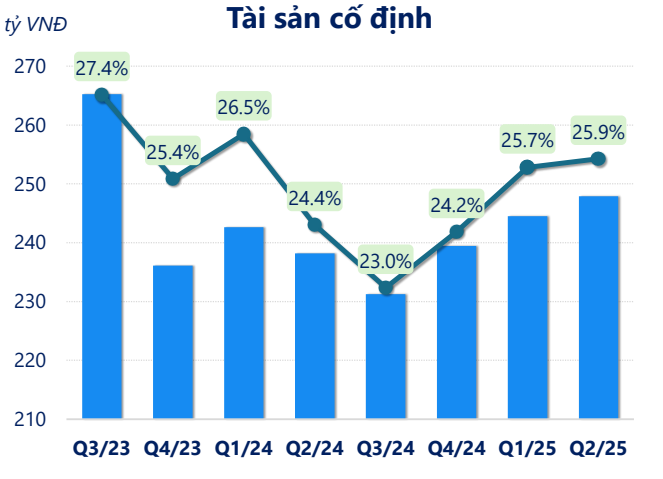
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



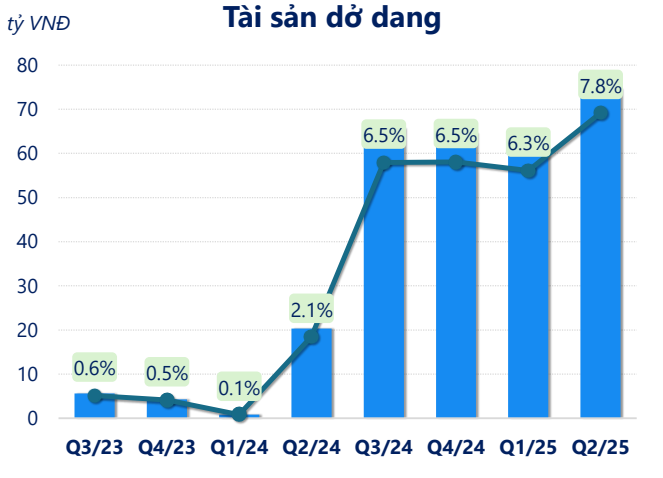
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



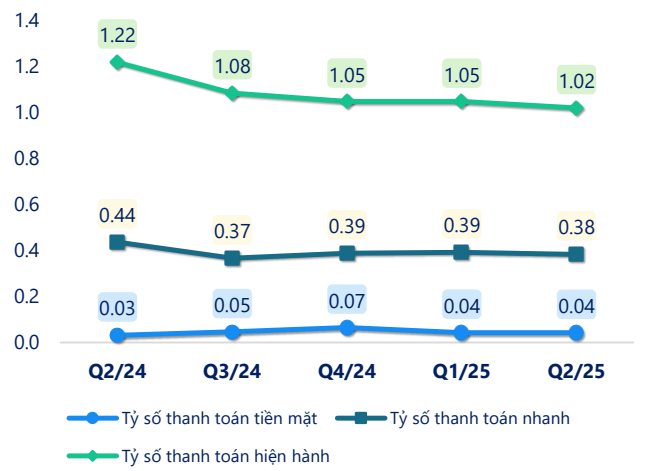
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



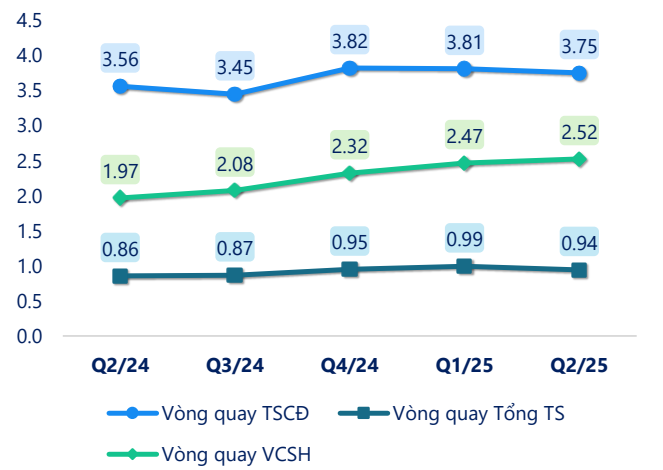
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**976**	**1,006**	**988**	**951**	**957**
Tài sản ngắn hạn	**700**	**677**	**642**	**611**	**629**
Tiền và tương đương tiền	18.0	28.7	39.9	25.1	26.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	26.2
Phải thu ngắn hạn	202	166	170	172	152
Hàng tồn kho	449	448	404	382	392
Tài sản ngắn hạn khác	30.9	34.0	27.3	31.0	32.5
Tài sản dài hạn	**276**	**329**	**345**	**341**	**328**
Phải thu dài hạn	17.0	31.5	39.3	32.0	1.22
Tài sản cố định	238	231	239	245	248
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.3	65.6	64.5	60.1	74.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.28	0.48	2.03	3.97	4.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**576**	**626**	**623**	**607**	**635**
Nợ ngắn hạn	**575**	**625**	**613**	**583**	**617**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	374	405	405	362	359
Phải trả người bán ngắn hạn	154	167	154	164	197
Nợ dài hạn	0.78	1.16	9.77	23.7	18.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	8.11	21.8	16.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**400**	**380**	**365**	**344**	**322**
Vốn chủ sở hữu	**400**	**380**	**365**	**344**	**322**
Vốn điều lệ	454	454	454	454	454
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)